

Số: 4305/2022/QĐST-HNGĐ *Thành phố Thủ Đức, ngày 29 tháng 11 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyền số 01/2002 do Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp ngày 25/4/2002;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2695/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Mộng Đ, sinh năm: 1978

HKTT: Số A Đường số 339, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số E Đường F, Tổ G, Khu phố H, phường Phước Long I, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Ông Trần Xuân B, sinh năm: 1967

HKTT: Số A Đường số 339, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số K đường L, Tổ M, Khu phố N, phường O, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận giữa các đương sự của các đương sự ngày 21 tháng 11 năm 2022, bà Nguyễn Thị Mộng Đ và ông Trần Xuân B thỏa thuận:

Về quan hệ hôn nhân bà Nguyễn Thị Mộng Đ, sinh năm 1978 và ông Trần Xuân B, sinh năm 1967 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung là tên Trần Xuân M (nam), sinh ngày 28/7/2003, Trần Xuân P (nam), sinh ngày 19/9/2004. Tất cả con chung đã trưởng thành.

Tài sản chung: Không có

Nợ chung: Không có.

Về lệ phí: Lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Mộng Đ chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận giữa các đương sự ngày 21 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận giữa các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng Đ, sinh năm 1978 và ông Trần Xuân B, sinh năm 1967 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con chung là tên Trần Xuân M (nam), sinh ngày 28/7/2003, Trần Xuân P (nam), sinh ngày 19/9/2004. Tất cả con chung đã trưởng thành.

- Tài sản chung: Không có

- Nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mộng Đ và ông Trần Xuân B phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà Đ, ông B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0006547 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đ, ông B đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS, TP.Thủ Đức;
- Nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh